

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HÀ NỘI (HASECO)



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HÀ NỘI;**
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : **0100844825**
Vốn điều lệ : **100.000.000.000 đồng**
Vốn đầu tư của chủ sở hữu : **92.974.500.000 đồng**
Địa chỉ : **Số 614 Đường Lạc Long Quân, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội**
Số điện thoại : **(04) 3718-4193**
Số fax : **(04) 3718-4190**
Website : **www.congvienhotay.vn**
Mã cổ phiếu (nếu có) : **HES**

Quá trình hình thành và phát triển

Ngày 11/11/1998, Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 055096 cho Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội với số vốn điều lệ ban đầu là 45.000.000.000 đồng (Bốn mươi lăm tỷ đồng). Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là vui chơi giải trí các trò chơi dưới nước và trên không, dịch vụ văn hoá văn nghệ, dịch vụ thể thao rèn luyện thân thể, cho thuê địa điểm hội nghị, hội thảo... Các sáng lập viên bao gồm: Ban Tài chính quản trị Thành uỷ Hà Nội, Tổng công ty bảo hiểm Việt Nam, Bru điện Hà Nội, Công ty đầu tư khai thác Hồ Tây...

Ngày 19/5/2000, Công viên nước khai trương và chính thức đi vào hoạt động. Với diện tích 6,4 ha bao gồm các trò chơi dưới nước và các dịch vụ phụ trợ. Công viên nước bao gồm 14 khu trò chơi dưới nước hiện đại, toàn bộ trang thiết bị của Công viên nước Hồ Tây được nhập khẩu trực tiếp từ Tây Ban Nha và tất cả đều đáp ứng đầy đủ những tiêu chuẩn mà Hiệp hội Công viên nước thế giới quy định. Ngoài ra, nguồn nước dùng trong các khu bể bơi đều được xử lý qua hệ thống lọc nước tuần hoàn hiện đại. Hàng ngày, bộ phận y tế của Công viên đều kiểm tra nguồn nước, các thông số về nước phải đảm bảo các tiêu chí của Bộ Y tế đưa ra; đảm bảo sức khỏe của khách hàng.

Ngày 2/7/2000, Khu vui chơi trên cạn rộng 1,7ha - nằm liền kề khu vui chơi dưới nước (Công viên nước) ra đời, ban đầu có tên là Công viên Vàng Trắng, chính thức khai trương và đi vào hoạt động (sau này đổi tên thành Công viên Mặt trời Mới cho đến nay). Trải qua hơn 15 năm hình thành và phát triển, Công viên Mặt Trời Mới luôn là điểm đến thân thuộc của du khách sau những giờ học tập, lao động căng thẳng. Hiện tại, Công viên Mặt Trời Mới có 15 loại trò chơi ngoài trời hiện đại dành cho mọi lứa tuổi và khu trò chơi trong nhà dành cho trẻ em từ mẫu giáo đến thiếu nhi. Chất lượng các trò chơi đều đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Với mục tiêu phát triển là đưa Công viên Hồ Tây trở thành một điểm đến hấp dẫn hàng đầu của thủ đô Hà Nội và các tỉnh thành phố phía Bắc, luôn “sôi động bốn mùa hào hứng

quanh năm” HĐQT Công ty đã đưa ra những giải pháp đổi mới đồng bộ có tính khả thi cao để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh: tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng sản phẩm, dịch vụ mới, đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực, định hướng thị trường đúng đắn, tăng cường quảng bá tiếp thị sản phẩm, đa dạng hoá sản phẩm dịch vụ. Cùng với những dịch vụ truyền thống, với lợi thế không gian rộng lớn, Công viên Hồ Tây đã mạnh dạn đầu tư, không ngừng phát triển trong lĩnh vực tư vấn, cho thuê và tổ chức sự kiện.

Năm 2010, Trung tâm sự kiện và truyền thông Haseco (hiện nay thuộc phòng Kinh doanh & marketing) – đơn vị trực thuộc quản lý của Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội ra đời để thực hiện những công việc này. Trải qua từng bước phát triển lớn mạnh, Công viên Hồ Tây đã khẳng định được thương hiệu trong lĩnh vực tổ chức sự kiện, hội nghị hội thảo: là đơn vị tổ chức các sự kiện lớn của thủ đô như tổ chức thành công chương trình Âm thực Hà Thành chào mừng kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội..., tổ chức các chương trình ấn tượng, độc đáo như ngày hội gia đình, nhạc hội, ngày lễ tình yêu, Noel..., các sự kiện mang tính chất xã hội..., tổ chức tiệc cưới trong và ngoài trời với năng lực phục vụ cả nghìn khách cùng một lúc.

Tháng 5/2013, Trung tâm du lịch (Haseco travel) ra đời - nằm trong chiến lược đa dạng hoá sản phẩm, gia tăng nguồn thu về cho Công ty và quảng bá thương hiệu. Kinh doanh du lịch với đặc điểm là ngoài hiệu quả kinh tế thu được thì có ý nghĩa về mặt thương hiệu. Trong thời gian qua, Trung tâm du lịch Haseco travel đã tích cực trong việc tiếp thị, quảng bá, khai thác thị trường, củng cố đào tạo đội ngũ nhân viên, xây dựng và phát triển sản phẩm với những gói sản phẩm phong phú: Tour nội địa bao gồm Tour Công viên Hồ Tây, tour cuối tuần, tour lễ hội, tour du lịch biển, tour hội nghị hội thảo, tour tìm hiểu các dân tộc Việt Nam.... Tour du lịch nước ngoài bao gồm: Châu Á, Âu, Mỹ... Việc ra đời của Trung tâm du lịch đã góp phần thúc đẩy doanh thu cho các mảng hoạt động khác như Công viên Mặt Trời Mới, bán lẻ, ẩm thực... và góp phần không nhỏ vào sự thành công của Công viên Hồ Tây.

Trải qua hơn 15 năm phát triển, với sự cố gắng lao động, sáng tạo không mệt mỏi của tập thể cán bộ công nhân viên, Công ty cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội - Haseco dần khẳng định được thương hiệu của mình trên thị trường vui chơi giải trí của Thành phố Hà Nội nói riêng và các tỉnh thành phía Bắc nói chung. Những thành quả đáng ghi nhận mà Công ty đã đạt được trong thời gian qua như:

- ✓ Bằng khen của Tổng cục du lịch Việt Nam năm 2000
- ✓ Bằng khen của Bộ văn hóa thể thao năm 2000, 2002
- ✓ Bằng khen hội liên hiệp thanh niên Việt Nam năm 2002
- ✓ Bằng khen của Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế năm 2003
- ✓ Bằng khen của chủ tịch UBND thành phố Hà Nội các năm 2003, 2005
- ✓ Giải thưởng sao vàng Đất Việt năm 2003
- ✓ Bằng khen của UBND thành phố Hà Nội năm 2010 về thành tích tổ chức tốt sự kiện:
“1000 năm Thăng Long – Hà Nội”
- ✓ Từ năm 2007 -2011, Công viên Hồ Tây liên tục được chứng nhận là 1 trong 500 thương hiệu mạnh tại Việt Nam do tổ chức AC Nielsen khảo sát và bình chọn.

- ✓ Năm 2006, 2008 và năm 2011, Khu vui chơi giải trí công viên Hồ Tây đã được người tiêu dùng bình chọn là thương hiệu nổi tiếng tại Việt Nam; được vinh danh trên bảng vàng: **“Thăng Long – Doanh nghiệp văn hóa năm 2010”**.
- ✓ Năm 2011, Khu vui chơi giải trí công viên Hồ Tây vinh dự được nhận giải thưởng Top 500 sản phẩm, dịch vụ hàng đầu tại Việt Nam do người tiêu dùng bình chọn.
- ✓ Top 20 dịch vụ hoàn hảo do người tiêu dùng bình chọn năm 2014.

2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:*

◆ *Ngành nghề kinh doanh:*

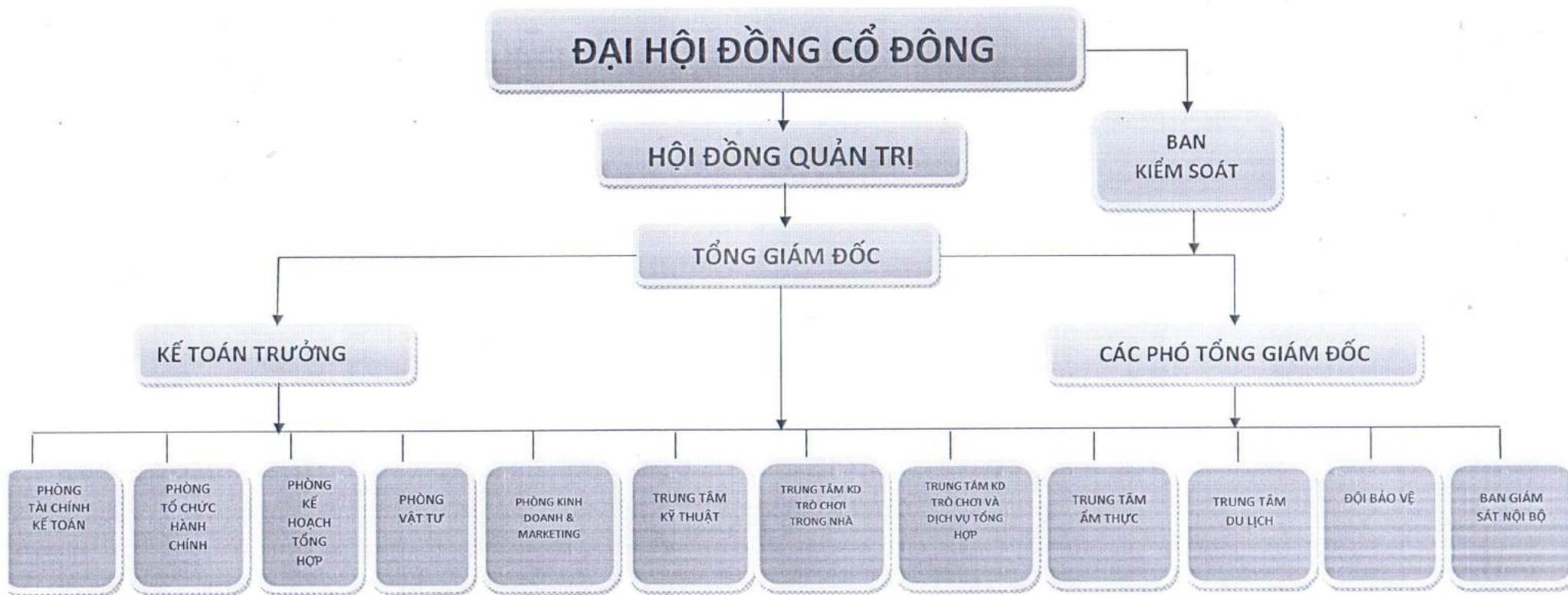
- Kinh doanh các trò chơi dưới nước, trên cạn;
- Tổ chức sự kiện, cho thuê địa điểm tổ chức sự kiện;
- Kinh doanh ẩm thực;
- Đại lý du lịch.

◆ *Địa bàn kinh doanh:* Haseco hoạt động chủ yếu trên địa bàn Thành phố Hà Nội, các thành phố và các tỉnh Miền Bắc;

3. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*

- *Mô hình quản trị: Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần có cơ cấu gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.*

SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY



- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển

◆ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Tiếp tục mục tiêu Kinh doanh hiệu quả, phát triển bền vững;
- Tỷ lệ cổ tức đạt 5% bằng năm 2016;
- Tiếp tục đẩy mạnh và phát triển thương hiệu “Công viên Hồ Tây”
- Chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ;
- Đảm bảo lợi ích của cổ đông cũng như lợi ích của Công ty, chăm lo đời sống người lao động, thực hiện tốt nghĩa vụ đối với nhà nước và có trách nhiệm với cộng đồng.
- Thực hiện phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường, đảm bảo phát triển bền vững.

◆ Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tiếp tục chiến lược kinh doanh 3 sản phẩm chính: trò chơi (các trò chơi dưới nước - CVN, các trò chơi trên cạn - CVMTM), Tổ chức sự kiện, du lịch;
- Tổ chức hội thảo chuyên đề về định hướng chiến lược phát triển Công ty - Công viên Hồ Tây giai đoạn 2017-2021 và những năm tiếp theo.

◆ Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- Đảm bảo lợi ích của cổ đông cũng như lợi ích của công ty;
- Chăm lo đời sống người lao động;
- Thực hiện tốt nghĩa vụ đối với nhà nước và có trách nhiệm với cộng đồng. Đặc biệt là vấn đề bảo vệ môi trường.

5. Các rủi ro:

- ◆ Nền kinh tế chưa thoát khỏi giai đoạn khó khăn trì trệ;
- ◆ Yếu tố thời tiết và mùa vụ;
- ◆ Áp lực cạnh tranh trong lĩnh vực vui chơi giải trí từ các tập đoàn lớn và các khu vui chơi trong các khu chung cư, trung tâm thương mại;
- ◆ Diện tích nhỏ hẹp với mục đích sử dụng chỉ là vui chơi và giải trí;
- ◆ Các trò chơi cũng đã cũ, chưa có nhiều đổi mới.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổng lượng khách: đạt 515.257 lượt khách, tăng 61.375 lượt khách hay tăng 13,52% so với năm 2015;

Tổng doanh thu: đạt 129,69 tỷ đồng, tăng 25,27 tỷ đồng hay tăng 24,19% so với năm 2015, trong đó: các hoạt động kinh doanh chính tại Công viên đạt 88,24 tỷ đồng - tăng 7,53 tỷ đồng hay tăng 9,33% so với năm 2015, hoạt động phát sinh doanh thu ngoài công viên (du lịch lữ hành) đạt 41,45 tỷ đồng - tăng 17,74 tỷ đồng hay tăng 74,79% so với năm 2015. Nếu loại trừ phần doanh thu tour du lịch (phát sinh ngoài công viên) thì tổng doanh thu các hoạt động kinh doanh chính tại công viên (không bao gồm HTKD Sen Tây Hồ) đạt 77,17 tỷ đồng, tăng 8,38 tỷ đồng hay tăng 12,18% so với 2015.

Một số giải pháp đã thực hiện:

➤ *Công tác quản trị điều hành:*

- Trong công tác chỉ đạo, điều hành, luôn tuân thủ quy chế hoạt động của Ban điều hành, đồng thời thường xuyên cập nhật và áp dụng những thông lệ quản trị tiên tiến, phù hợp với mô hình hoạt động của công ty.
- Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Ban điều hành phụ trách từng lĩnh vực hoặc từng mảng hoạt động, phù hợp với năng lực của từng thành viên trên cơ sở các nguyên tắc và nề nếp làm việc, để đảm bảo công tác quản trị điều hành được thông suốt, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động.
- Duy trì các buổi giao ban định kỳ hàng tuần của Ban điều hành với các trưởng phòng/ban, tổ chức các buổi họp chuyên đề hoặc họp triển khai các chương trình/ sự kiện mang tính đột xuất để giải quyết các công việc phát sinh.
- Rà soát các quy chế, quy trình, quy định làm việc của từng đơn vị/bộ phận và của công ty để chỉnh sửa bổ sung cho phù hợp.

➤ *Nhóm giải pháp thúc đẩy kinh doanh:*

- Tiếp tục chiến lược đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ ngoài CVN, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, đẩy mạnh công tác tiếp thị bán hàng, tập trung vào các sản phẩm đặc thù nổi trội của Công viên Hồ Tây, phát huy lợi thế cạnh tranh của Công viên Hồ Tây về vị trí địa lý và là công viên ngoài trời với hệ thống mái che thoáng mát, rất thuận tiện cho việc tổ chức các sự kiện với hình thức và quy mô phù hợp với nhiều đối tượng khách hàng.
- Thường xuyên khảo sát, nghiên cứu nắm bắt tâm lý thị hiếu và nhu cầu của khách hàng để có kế hoạch và chiến lược tiếp thị hiệu quả. Xây dựng các nhóm bán hàng với hầu hết các sản phẩm của CVHT để đi tiếp thị, chú trọng hơn với các đối tượng khách hàng trên địa bàn Hà Nội và vùng phụ cận. Đặc biệt quan tâm công tác chăm sóc khách hàng mới và cũ.
- Tăng cường công tác khai thác khách tổ chức sự kiện, đặc biệt là sản phẩm “ngày hội gia đình” để phát huy tối đa lợi thế cạnh tranh về vị trí địa lý. Qua đó, có điều kiện gia tăng doanh thu từ trò chơi dưới nước, trò chơi trên cạn, trò chơi trong nhà, ẩm thực và hàng hóa bán lẻ sẽ thu được từ các sự kiện.

- Đẩy mạnh công tác tiếp thị bán hàng tiệc cưới với lợi thế không gian lãng mạn, chỗ để xe chuyên dụng rộng rãi, giá cả cạnh tranh.
- Rà soát và thường xuyên làm mới các sản phẩm/gói tour phục vụ khách đoàn, tour học sinh phù hợp với nhu cầu thị hiếu khách hàng để tăng cường thu hút khách.
- Tiếp tục duy trì và thúc đẩy công tác tiếp thị bán hàng các sản phẩm tour du lịch, đặc biệt là tour nội địa và tour outbound. Đẩy mạnh khai thác tour Inbound, thường xuyên nghiên cứu xây dựng và cải tiến sản phẩm cho phù hợp với nhu cầu thị hiếu từng đối tượng khách hàng.
- Thường xuyên quan tâm việc nâng cao chất lượng dịch vụ và tinh thần thái độ phục vụ của nhân viên, đặc biệt là các bộ phận tác nghiệp (vận hành trò chơi, cứu hộ, bảo vệ, bán hàng...), duy trì dịch vụ tốt nhất với khách hàng.
- Tiếp tục thực hiện chính sách động viên khuyến khích CBNV (với khẩu hiệu **“mỗi CBNV là một nhân viên tiếp thị”**) đẩy mạnh tiếp thị giới thiệu khách cho Công ty đối với các sản phẩm của Công viên gồm: trò chơi, tiệc cưới, tổ chức các sự kiện, các tour du lịch trong và ngoài nước.
- Nghiên cứu áp dụng các chương trình khuyến mãi tại công viên hấp dẫn, hiệu quả hơn.
- *Truyền thông, quảng bá thương hiệu:*
 - Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá thương hiệu Công viên Hồ Tây gắn với các sự kiện, sản phẩm trên các kênh thông tin như: các trang web, facebook, VOV giao thông và một số kênh truyền hình trung ương và địa phương lân cận với thời lượng và thời điểm phù hợp, đảm bảo hiệu quả và tiết kiệm chi phí.
 - Vai trò của truyền thông trong thời đại ngày nay vô cùng quan trọng, vì vậy công tác truyền thông cần được làm tốt hơn nữa để thu hút khách hàng đến với Công viên Hồ Tây. Nghiên cứu và áp dụng các hình thức truyền thông mới mang tính thời đại, luôn cập nhật, tiếp cận các xu hướng truyền thông mới hấp dẫn giới trẻ - là đối tượng khách hàng chính của Công viên Hồ Tây.
- *Về cơ sở hạ tầng và công tác duy tu, bảo dưỡng MMTB:*
 - Tăng cường công tác duy tu, bảo dưỡng MMTB, nâng cấp hạ tầng, làm đẹp cảnh quan. Luôn chăm lo tạo dựng cho Công viên Hồ Tây có một môi trường xanh, sạch, đẹp.
 - Chính trang lại các cảnh quan của Công viên cho đẹp hơn, tạo thêm nhiều tiểu cảnh đẹp đáp ứng nhu cầu chụp ảnh và thư giãn cho khách hàng. Xây dựng hệ thống hoa cây cảnh trong công viên nhưng cần phải thống nhất về motif thiết kế.
 - Nghiên cứu phương án công hóa con mương thoát nước với chi phí thấp nhất, đồng thời thiết kế xây dựng hệ thống vườn hoa, tiểu cảnh, sân chơi trên phần diện tích con mương sau khi công hóa để tăng vẻ đẹp cảnh quan, cải thiện môi trường sinh thái.

- Quan tâm đầu tư duy trì việc bảo dưỡng thiết bị và hạ tầng Công viên nước và Công viên MTM, đảm bảo hệ thống các thiết bị trò chơi xuyên được kiểm định chất lượng theo quy định và tuyệt đối an toàn trong quá trình vận hành.
- Đảm bảo hệ thống Wifi phủ sóng rộng khắp công viên ổn định để phục vụ khách hàng trong thời đại công nghệ thông tin như ngày nay, góp phần tạo điều kiện cho khách hàng quảng bá hình ảnh thương hiệu CVHT qua các trang mạng xã hội.
- *Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực:*
 - Tiếp tục nâng cao chất lượng nhân sự, đặc biệt là nhân sự lãnh đạo, đảm bảo phát huy tính chủ động sáng tạo trong công tác chỉ đạo điều hành, luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công việc, tâm huyết với nghề và sát sao với công việc, có kỹ năng phân công hướng dẫn và kiểm tra giám sát cấp dưới.
 - Tăng cường công tác đào tạo đội ngũ nhân viên: tác phong nhanh nhẹn, tinh thần, thái độ phục vụ niềm nở, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ thành thạo và kỹ năng ứng xử phải nhuần nhuyễn. Thường xuyên quan tâm công tác giám sát hiệu quả sau đào tạo, đặc biệt là ở các bộ phận tác nghiệp.
- *Nhóm giải pháp về tiết kiệm và kiểm soát chi phí:*
 - Sử dụng nhân sự hợp lý và hiệu quả, linh hoạt trong những ngày vắng khách, tránh để dư thừa nhân sự tại các vị trí không cần thiết.
 - Tích cực tìm kiếm và đánh giá lựa chọn các nhà cung cấp đảm bảo chất lượng và giá cả cạnh tranh, mỗi ngành hàng phải có tối thiểu 2 nhà cung cấp để luôn chủ động về nguồn hàng với giá cả, số lượng và chất lượng đáp ứng nhu cầu kinh doanh.
 - Thường xuyên kiểm tra, rà soát hàng tồn kho, đảm bảo số lượng tồn hợp lý, có báo cáo kịp thời để đổi trả hàng, tránh tình trạng để hàng hết hạn sử dụng hoặc tồn kho lâu ngày.
 - Sử dụng tiết kiệm điện, nước, văn phòng phẩm, dụng cụ đồ dùng và các trang thiết bị phụ trợ, tránh lãng phí.
 - Lập kế hoạch bảo trì bảo dưỡng thường xuyên các trang thiết bị máy móc để giảm thiểu chi phí thay thế khi chưa hết khấu hao...

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Trần Thị Bạch Yến	Tổng Giám đốc

(1/1/2016 đến 30/4/2016)

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
2	Nguyễn Thị Vân	Tổng Giám đốc (1/5/2016 đến 31/12/2016)
3	Hoàng Văn Toàn	Phó Tổng Giám đốc
4	Nghiêm Thị Hồng Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
5	Lê Thị Nhạn	Phó Tổng Giám đốc
6	Vũ Quang Tuyên	Kế toán trưởng

❖ **Bà Trần Thị Bạch Yến**

- Họ và tên: **TRẦN THỊ BẠCH YẾN**
- Giới tính: Nữ
- Số CMND: 010176330 Ngày cấp: 29/07/2008 Nơi cấp: CA TP.Hà Nội
- Ngày tháng năm sinh: 12/10/1962
- Nơi sinh: Hà Nội Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh Quê quán: Xuân Phương, Từ Liêm. Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Khu đô thị Timecity, 458 Minh Khai, Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Số điện thoại: 043.718.4193
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Đại học - Kinh tế Ngoại thương
- Quá trình công tác:
 - Từ 09/2000 đến 10/2004:
 - ✓ Phó Giám đốc Công ty thương mại và Tổng hợp Thăng Long
 - Từ 11/2004 đến 04/2007:
 - ✓ Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty du lịch Hà Nội
 - Từ 04/2007 đến 2010:
 - ✓ Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty du lịch Hà Nội.
 - ✓ Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
 - Từ 2010 đến 30/04/2016:

- ✓ Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Du lịch Hà Nội
- ✓ Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
- Từ 01/05/2016 đến nay:
 - ✓ Phó Tổng Giám Đốc Tổng Công ty Du lịch Hà Nội.
 - ✓ Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty du lịch Hà Nội.
- Số cổ phần nắm giữ: 3.490.000 cổ phần (chiếm 37,55% vốn cổ phần của Công ty)
 - *Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - + Đại diện sở hữu cho Tổng công ty du lịch Hà Nội: 3.490.000 cổ phần.
- **Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không*
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành (nếu có): Không
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại các công ty khác: Không

❖ **Bà Nguyễn Thị Vân**

- Họ và tên: **NGUYỄN THỊ VÂN**
- Giới tính: Nữ
- Số CMND: 011991381 Ngày cấp: 20/03/2012 Nơi cấp: Hà Nội
- Ngày tháng năm sinh: 12/09/1972
- Nơi sinh: Hưng Yên Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh Quê quán: Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: Phòng 1102 - B13 - Ban Đảng TW, tổ 15, phường Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội
- Số điện thoại: 0904.227.576
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân QTKD - Trường ĐH Kinh tế quốc dân
 - Nghiệp vụ chuyên môn về Quản trị kinh doanh
 - Nghiệp vụ chuyên môn về khách sạn, nhà hàng

- Quá trình công tác:
 - Từ 10/1991 đến 2008:
 - ✓ Nhân viên, phó phụ trách, phụ trách khối Nhà hàng – Khách sạn Hòa Bình
 - ✓ Bí Thư Đoàn TN Khách sạn Hoà Bình, Bí thư Đoàn TN Tổng Công ty Du lịch Hà Nội
 - Từ 04/2008 đến 07/2008: Bí thư Đoàn TN chuyên trách Tổng Công ty Du lịch Hà Nội.
 - Từ 07/2008 đến 08/2011: Phó Chánh VP Tổng Công ty Du lịch Hà Nội, kiêm Bí Thư Đoàn Thanh niên.
 - Từ 08/2011 đến 4/2016:
 - ✓ Trưởng phòng Quản lý Kinh doanh nhà Văn Phòng Tổng Công ty Du lịch Hà Nội, Bí thư Chi bộ Phòng (Kiêm Bí thư Đoàn thanh niên – đến 08/2012)
 - ✓ Ủy viên Ban chấp hành Đảng Bộ Tổng công ty, Phó Ban Dân vận Đảng ủy TCT; Phụ trách Chi bộ Trung tâm thương mại và Dịch vụ Du Lịch.
 - ✓ Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đông Đô
 - Từ 05/2016 đến nay:
 - ✓ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
 - ✓ Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đông Đô
- Chức vụ công tác hiện nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đông Đô.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
 - *Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- *Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không*
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành (nếu có): Không
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:
Công ty cổ phần Đông Đô: 120.000 cổ phần trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - + Đại diện sở hữu: 120.000 cổ phần.

❖ Ông Hoàng Văn Toàn

- Họ và tên: HOÀNG VĂN TOÀN
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 030072000084 Ngày cấp: 21/10/2014
- Nơi cấp: CA TP. Hà Nội.
- Ngày tháng năm sinh: 20/05/1972
- Nơi sinh: Hải Dương Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh Quê quán: Thanh Hà, Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: Tổ 18, cụm 3 Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội
- Số điện thoại: 0914953304
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn:
 - ✓ Cơ khí chế tạo máy - Đại học Bách khoa
 - ✓ Quản trị kinh doanh - Đại học Bách khoa
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 08/1994 đến 01/2003: Nhân viên thiết kế phòng kỹ thuật tại Công ty Dụng cụ cơ khí xuất khẩu.
 - ✓ Từ 02/2003 đến 10/2006: Thư ký ISO, trợ lý cho đại diện lãnh đạo (QMA) về hệ thống quản lý tại Công ty Dụng cụ cơ khí xuất khẩu.
 - ✓ Từ 01/11/2006 đến 15/01/2007: Trợ lý kỹ thuật cho Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
 - ✓ Từ 15/01/2007 đến 11/2011: Trưởng phòng kỹ thuật, giám đốc trung tâm Kỹ thuật Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
 - ✓ Từ 11/2011 đến nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc trung tâm kỹ thuật Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc trung tâm kỹ thuật Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 7.000 cổ phần (chiếm 0,08% vốn cổ phần của Công ty)
 - *Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 7.000 cổ phần
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- *Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành (nếu có): Không
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại các công ty khác: Không

❖ **Bà Nghiêm Thị Hồng Hạnh**

- Họ và tên: **NGHIÊM THỊ HỒNG HẠNH**
- Giới tính: Nữ
- Số CMND: 111375281 Ngày cấp: 28/02/2009 Nơi cấp: Hà Nội
- Ngày tháng năm sinh: 19/12/1978
- Nơi sinh: Hà Nội Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh Quê quán: Từ Liêm, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 518 - A25 Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
- Số điện thoại: 04.7560097
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn:
 - ✓ Cử nhân Hành chính – Học viện Hành chính Quốc Gia
 - ✓ Cử nhân ngoại ngữ - Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc Gia Hà Nội
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 04/2003 đến 09/2003: Thư ký Trưởng nhóm kinh doanh D27 – Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam
 - ✓ Từ 10/2003 đến 09/2005: Nhân viên Khai thác Thống kê Công ty bảo hiểm Hà Nội
 - ✓ Từ 09/2005 đến 11/2007: Thư ký Tổng hợp Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
 - ✓ Từ 11/2007 đến 09/2011: Thư ký Hội đồng Quản trị, Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
 - ✓ Từ 09/2011 đến 04/2014: Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
 - ✓ Từ 04/2014 đến nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

*Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

**Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu:*

Chồng: Trịnh Thái Nghĩa: Sở hữu 1.400 cổ phần

- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành (nếu có): Không
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại các công ty khác: Không

❖ **Bà Lê Thị Nhạn**

- Họ và tên: **LÊ THỊ NHẠN**
- Giới tính: Nữ
- Số CMND: 012847646 Ngày cấp: 09/03/2006 Nơi cấp: Hà Nội
- Ngày tháng năm sinh: 01/07/1978
- Nơi sinh: Thái Bình Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh Quê quán: Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: P105 - nhà 7 - số 2 Bùi Ngọc Dương - Thanh Nhân – Hai Bà Trưng - Hà Nội
- Số điện thoại: 0913.38.38.09
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân đại học KHXH và NV – Du lịch
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 12/2000 đến 04/2001: Nhân viên khách sạn 5* Melia Hà Nội
 - ✓ Từ 05/2001 đến 05/2010: Trưởng lễ tân, trưởng phòng sale, trợ lý giám đốc, Phó Giám đốc khách sạn 3* Holidays Hà Nội
 - ✓ Từ 05/2010 đến 05/2012: Trưởng phòng Kinh doanh & Marketing - Giám đốc Trung tâm Tổ chức Sự kiện tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
 - ✓ Từ 06/2012 đến 05/2013: Quản lý điều hành Công ty TNHH Du lịch Không gian VN.
 - ✓ 5/2013 – 11/2015: Giám đốc trung tâm du lịch – Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội.
 - ✓ Từ 12/2015 đến nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Trung tâm du lịch Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Trung tâm du lịch Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
- *Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- **Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không*
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành (nếu có): Không
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại các công ty khác: Không

❖ **Kế toán trưởng**

- Họ và tên: **VŨ QUANG TUYÊN**
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 012823878 Ngày cấp: 25/8/2005 Nơi cấp: Hà Nội
- Ngày tháng năm sinh: 22/12/1968
- Nơi sinh: Xã Toàn Thắng – Huyện Kim Động – Tỉnh Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: Số 7 Ngõ 114 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội
- Số điện thoại: 091 357 1428 – 04.3847 3550
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - Từ 02/1988 đến 01/1990: Thực hiện nghĩa vụ quân sự tại Trường Hạ Sĩ quan trình sát chuyên môn kỹ thuật (T700) thuộc Cục Nghiên cứu, nay là Tổng cục II – Bộ Quốc Phòng, cấp bậc Hạ Sĩ, làm kế toán tài vụ và quản lý cơ quan Hiệu bộ nhà trường.
 - Từ 09/1990 đến 08/1994: Học tập tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội, Lớp phó học tập, Khoa Ngân hàng – Tài chính.
 - Từ 10/1994 đến 12/2008: Kế toán trưởng và kiêm nhiệm Chủ tịch Công đoàn nhiệm kỳ I (1995–1997) tại Chi nhánh Công ty Dịch vụ Du lịch Bến Thành tại Hà Nội.
 - Từ 01/2009 đến 07/2010:

- ✓ Phó Giám đốc và kiêm nhiệm Bí thư Chi bộ Chi nhánh Công ty dịch vụ Du lịch Bến Thành tại Hà Nội.
- ✓ Giám đốc Chi nhánh Công ty dịch vụ Du lịch Bến Thành tại Hà Nội.
- Từ 08/2010 đến nay: Kế toán trưởng Công ty CP dịch vụ giải trí Hà Nội.
- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
- *Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- *Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành (nếu có): Không
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại các công ty khác: không.

- Những thay đổi trong ban điều hành:

Ngày 1/5/2016 Bà Trần Thị Bạch Yến đã nhận quyết định thôi giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội, đồng thời Bà Nguyễn Thị Vân chính thức được bổ nhiệm vị trí Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội kể từ ngày 1/5/2016.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động./.

Tính đến 31/12/2016 Công ty có 23 cán bộ là các trưởng phòng, phó phòng, giám đốc và phó giám đốc các trung tâm, và 181 nhân viên. Trong năm 2016, Công tác củng cố bộ máy và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực được chú trọng:

- Lựa chọn những nhân sự có trình độ, có tâm huyết vào Ban điều hành, mang lại hiệu quả cho hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Chú trọng bồi dưỡng, đào tạo, nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên đồng thời chăm lo đời sống người lao động; bộ máy tổ chức và nhân sự luôn phải linh hoạt và chất lượng để phục vụ kinh doanh có hiệu quả, ứng phó mọi tình hình trong hoạt động kinh doanh.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm 2016, Công ty duy trì đảm bảo cảnh quan công viên luôn sạch đẹp, văn minh. Công ty đã hoàn thiện hệ thống âm thanh, ánh sáng để phục vụ công việc kinh doanh, đồng thời hoàn thiện việc sửa chữa bảo dưỡng các thiết bị trong Công viên Nước.

Như vậy, năm 2016 Công ty vẫn chủ yếu chinh trang lại bộ mặt Công viên để tăng độ hấp dẫn với khách hàng khi đến vui chơi, giải trí.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính/

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	130.446,3	122.464,4	Giảm 6,12%
Doanh thu thuần	104.428,9	129.699,7	Tăng 24,19%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.231,6	4.641,5	Giảm 25,51%
Lợi nhuận khác	292,5	415,5	Tăng 42,05%
Lợi nhuận trước thuế	6.524,1	5.056,9	Giảm 22,48%
Lợi nhuận sau thuế	5.058,5	3.922,3	Giảm 22,46%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1,05	1,87
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn		
+ Hệ số thanh toán nhanh:	0,95	1,75
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>		
<u>Nợ ngắn hạn</u>		
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,12	0,077
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,14	0,083
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho:	38,81	61,85
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân		
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,8	1,06
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,05	0,03

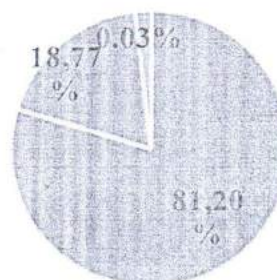
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,044	0,035
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,039	0,032
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,06	0,036

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Stt	Loại hình cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	426	9.294.650	99,97%
	<i>Trong đó:</i>			
	- Tổ chức:	9	7.549.790	81,20%
	- Cá nhân:	417	1.744.860	18,77%
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0%
	<i>Trong đó:</i>			
	- Tổ chức:	0	0	0%
	- Cá nhân:	0	0	0%
III	Cổ phiếu quỹ	1	2.800	0,03%
	Tổng cộng	427	9.297.450	100%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

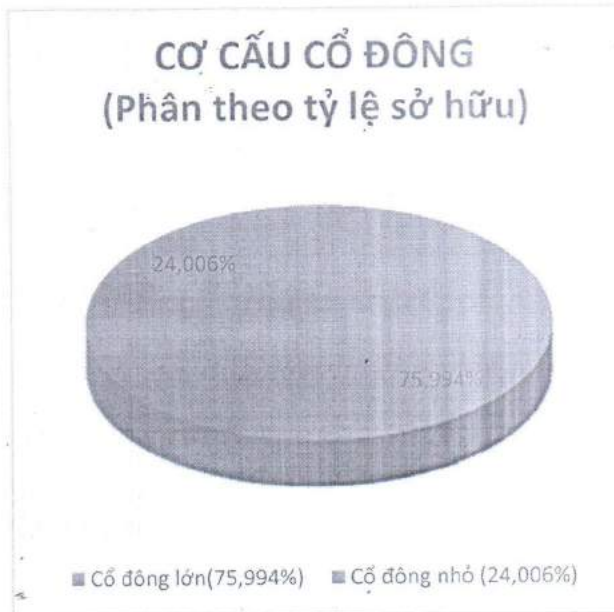


■ Tổ chức ■ Cá nhân ■ Cổ phiếu quỹ

Tính đến thời điểm 13/10/2016 Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội có 9.297.450 cổ phần, trong đó số cổ phần đang lưu hành là 9.294.650 được nắm giữ bởi 426 cổ đông, tất cả 9.294.650 cổ phần đang lưu hành của Công ty đều có quyền chuyển nhượng tự do. 100% cổ đông của Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội là cổ đông trong nước, và công ty không có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài.

b) Cơ cấu cổ đông:

Dựa vào các tiêu chí, danh sách cổ đông của Công ty cổ phần dịch vụ Giải trí Hà Nội được chia theo cơ cấu như sau:

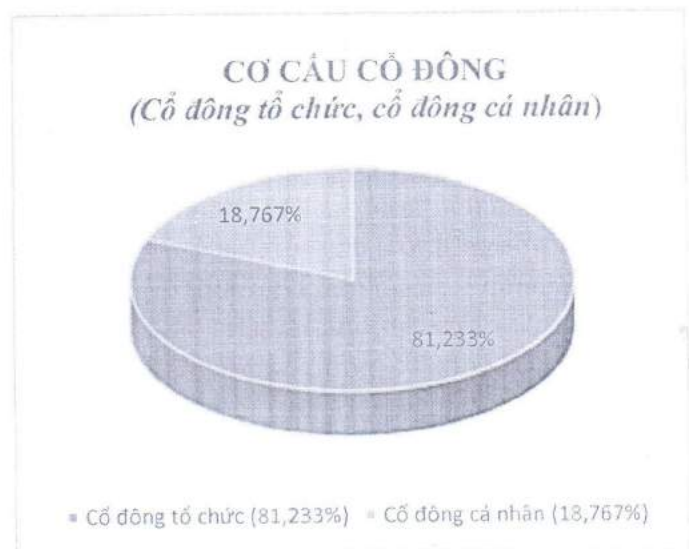


Phân chia theo tỷ lệ sở hữu, cơ cấu cổ đông của Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội được chia làm 2 loại: nhóm cổ đông lớn và nhóm cổ đông nhỏ. Theo khoản 9 điều 6 Luật chứng khoán hiện hành, “**Cổ đông lớn** là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành”. Nhóm cổ đông lớn của Haseco gồm các cổ đông nắm giữ từ 5% số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Theo danh sách Cổ đông của Haseco được chốt ngày 13/10/2016, các Cổ đông lớn bao gồm: Tổng công ty du lịch Hà Nội, Tập đoàn Bảo Việt, Công ty TNHH Trí Thành, Công ty Cổ phần đầu tư phát triển và xây dựng Thành Đô. Nhóm cổ đông nhỏ bao gồm các cổ đông còn lại.

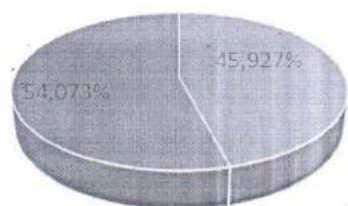
Cơ cấu cổ đông của Công ty Cổ phần dịch vụ Giải trí Hà Nội khi chia theo đặc trưng của cổ đông sở hữu, gồm: Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân.

Nhóm cổ đông là tổ chức bao gồm: Tổng Công ty du lịch Hà Nội, Tập đoàn Bảo Việt, Công ty TNHH Trí Thành, Công ty cổ phần đầu tư phát triển và xây dựng Thành Đô, Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Sen, Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo Việt, Công ty Cổ phần thương mại Con Kiến, Công ty TNHH dịch vụ Hậu mãi Công Minh và Công ty Cổ phần dịch vụ Giải trí Hà Nội (nắm giữ cổ phiếu quỹ)

Nhóm thứ 2 bao gồm cổ đông là cá nhân nắm giữ cổ phần của Công ty.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG
(Cổ đông nhà nước, Cổ đông khác)



■ Cổ đông nhà nước ■ Cổ đông khác

Theo danh sách cổ đông của Haseco được chốt ngày 13/10/2016, 100% cổ đông của Haseco là cổ đông trong nước, trong đó cổ đông là doanh nghiệp nhà nước chiếm 45,927% (Tổng công ty du lịch Hà Nội), còn lại 54,073% cổ phiếu được nắm giữ bởi cổ đông khác (bao gồm doanh nghiệp, cá nhân trong nước).

Số liệu được sử dụng theo danh sách cổ đông Haseco được chốt ngày 13/10/2016

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Nguồn: Haseco

Thời điểm	Số lượng phát hành (cổ phần)	Giá trị phát hành (theo mệnh giá)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
Năm 1999	450.000 (MG: 100.000 đồng/cổ phần)	45.000.000.000	Thành lập Công ty.	
Tháng 3/2000	240.000 (MG: 100.000 đồng/cổ phần)	24.000.000.000	Phát hành cổ phiếu ưu đãi cổ tức cho cổ đông sáng lập (hưởng mức cổ tức ưu đãi cố định là 8%/năm, áp dụng trong khoảng thời gian 5 năm; từ năm 2000 đến năm 2005)	- NQ ĐHĐCĐ số 01/2000/NQ/ĐHĐCĐ. HASECO ngày 21/03/2000 (đề hoàn thành đầu tư giai đoạn 1 của Công viên Hồ Tây)
Tháng 01/2001	90.000 (MG: 100.000 đồng/cổ phần)	9.000.000.000	Phát hành cổ phiếu ưu đãi cổ tức cho cổ đông sáng lập (hưởng mức cổ tức ưu đãi cố định là 8,4%/năm, áp dụng trong khoảng thời gian 5 năm; từ năm 2001 đến năm 2006)	NQ ĐHĐCĐ số 388/NQ/ĐHĐCĐ/2000 ngày 25/11/2000.
Tháng 08/2001	1.497.450 (MG: 10.000 đồng/cổ phần)	14.974.500.000	Chào bán cho cán bộ công nhân viên, cổ đông sáng lập và bán đấu giá.	Biên bản ĐHĐCĐ số 05/2001/BB/ĐHĐCĐ-HASECO ngày 23/07/2001
Cộng:	9.297.450	92.974.500.000		

Chú ý:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100844825 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/08/1999 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 19/07/2016, vốn điều lệ của Haseco là 100.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, tính đến thời điểm 30/09/2011, vốn điều lệ thực góp của Công ty là 92.974.500.000 đồng. Điều này là do năm 2001, Công ty dự kiến tăng vốn lên 100 tỷ đồng nhưng số cổ phần thực tế phát hành được không đủ để tăng lên mức vốn nêu trên, khi đó, vốn điều lệ Công ty chỉ đạt 92.974.500.000 đồng. Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh lại mức vốn điều lệ của Công ty trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời gian sớm nhất.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Hiện tại Công ty có 2.800 cổ phiếu quỹ. Không có giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2016.

e) Các chứng khoán khác:

- o Các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm: không có
- o Số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty đối với cá nhân, tổ chức khác liên quan đến việc phát hành chứng khoán: không có

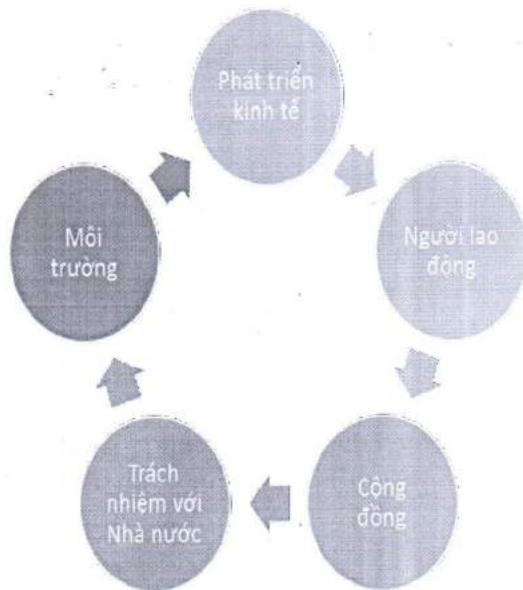
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Thuật ngữ “**Phát triển bền vững**” xuất hiện lần đầu vào năm 1980 trong chiến lược Bảo tồn Thế giới (Công bố bởi hiệp hội Bảo tồn thiên nhiên và Tài nguyên thiên nhiên quốc tế - IUCN) với nội dung rất đơn giản: “Sự phát triển của nhân loại không thể chỉ chú trọng tới phát triển kinh tế mà còn phải tôn trọng những nhu cầu tất yếu của xã hội và sự tác động đến môi trường sinh thái học”.

Khái niệm này được phổ biến rộng rãi vào năm 1987 nhờ báo cáo của Brundtland (Còn gọi là Báo cáo của Our Common Future) của Ủy ban Môi trường và Phát triển thế giới – WCED. Báo cáo ghi rõ: Phát triển bền vững là “Sự phát triển có thể đáp ứng được những nhu cầu hiện tại mà không ảnh hưởng, tổn hại đến những khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai...”. Nói cách khác, phát triển bền vững phải đảm bảo có sự phát triển kinh tế hiệu quả, xã hội công bằng và môi trường được bảo vệ, giữ gìn. Để đạt được điều này, tất cả những thành phần kinh tế - xã hội, nhà cầm quyền, các tổ chức xã hội ... phải được thực hiện nhằm mục đích dung hòa 3 lĩnh vực chính: kinh tế - Xã hội – Môi trường.

Là một trong những doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vui chơi giải trí lớn nhất miền Bắc, hơn nữa các hoạt động vui chơi của Công viên Hồ Tây đều được tổ chức ngoài trời, nên yếu tố môi trường giữ vai trò quan trọng tác động đến kết quả kinh doanh của Công viên Hồ Tây. Đặc biệt chúng tôi thấu hiểu rằng sự thành công của một doanh nghiệp không chỉ đơn giản là những con số về doanh thu thể hiện trên các bản báo cáo mà còn là những giá trị vượt trội mà doanh nghiệp xây dựng trong lòng khách hàng và mang lại cho cộng đồng và xã hội. Vì vậy, việc đảm bảo môi trường để phát triển bền vững là yếu tố hàng đầu mà Ban lãnh đạo Haseco quan tâm.

Định hướng phát triển bền vững của Haseco tập trung vào 05 nội dung:



➤ Phát triển kinh tế: Công ty định hướng phát triển các lĩnh vực đã đăng kí với cơ quan Nhà nước, đồng thời mở rộng hoạt động kinh doanh đối với các ngành nghề phù hợp với tiềm lực của Công ty và nhu cầu Khách hàng. Luôn đảm bảo cung cấp đến khách hàng những sản phẩm tốt nhất, những khoảnh khắc vui chơi an toàn và sáng khoái.

➤ Người lao động: Hiểu được nguyên tắc “hiền tài là nguyên khí quốc gia”, con người đóng vai trò vô cùng quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của Công ty. Vậy nên Haseco luôn chú trọng việc đảm bảo đời sống Người lao động thông qua mức lương cũng như các chế độ phúc lợi (Bảo hiểm, công đoàn, các khóa đào tạo,...). Đồng thời tạo môi trường làm việc thân thiện, gắn bó, phát triển.

➤ Cộng đồng: Chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng luôn được Ban lãnh đạo Haseco chú trọng. Đó là các hoạt động khuyến góp, ủng hộ đồng bào lũ lụt, thiên tai,...

➤ Trách nhiệm với Nhà nước: Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các chính sách của nhà nước. Đảm bảo nộp thuế hàng năm đúng và đủ, công ty chưa từng bị xử phạt do vi phạm các quy định về môi trường.

➤ Môi trường: Yếu tố thời tiết, môi trường vô cùng quan trọng với một doanh nghiệp kinh doanh các hoạt động vui chơi ngoài trời như Công viên Hồ Tây. Vậy nên, Ban lãnh đạo Haseco rất quan tâm đến việc đảm bảo cảnh quan xanh, sạch, đẹp bằng việc trồng nhiều cây xanh, cũng như có hệ thống xử lý nước tân tiến. Với vai trò là một doanh nghiệp lớn của quận Tây Hồ, Haseco luôn tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng do Ủy ban nhân dân quận Tây Hồ, Ủy ban phường Nhật Tân động, cũng như các hoạt động của đoàn thanh niên. Tiêu biểu phải kể đến là các hoạt động Tổng vệ sinh đường xá được tổ chức hàng tháng, hàng tuần; khuyến góp tiền cũng như hiện vật ủng hộ đồng bào lũ lụt,.....

Với các bên liên quan, chúng tôi cam kết:



**KHÁCH
HÀNG**

Cung cấp dịch vụ tốt nhất là những giây phút vui chơi sảng khoái, mang đến sự thỏa mãn, hài lòng cho khách hàng.



**CỔ
ĐÔNG**

Đảm bảo cho các cổ đông khoản đầu tư an toàn, sinh lời một cách bền vững.



**NHÀ
NƯỚC**

Tuân thủ các chính sách, quy định của Nhà nước.



**NGƯỜI
LAO
ĐỘNG**

Tạo ra nguồn thu nhập đảm bảo đời sống cho người lao động, cũng như môi trường làm việc thân thiện, an toàn, phát triển.



ĐỐI TÁC

Hợp tác dựa trên cơ sở cùng có lợi, minh bạch và có trách nhiệm với xã hội



**CỘNG
ĐỒNG**

Có trách nhiệm, chia sẻ và chung tay phát triển cộng đồng

Về chính sách liên quan đến người lao động.

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số lượng lao động bình quân trên/ tháng: 292 người/ tháng
- Tiền lương bình quân: 5.050.000 đ/người/ tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

- Công ty cố gắng đảm bảo cho người lao động có thu nhập ổn định, được nhận tiền lương tương xứng với năng suất lao động để duy trì và nâng cao hiệu quả lao động. Ngoài ra, khi Công ty kinh doanh có hiệu quả thì người lao động được hưởng thêm phần lương hiệu quả kinh doanh, lương tháng 13,14 và thưởng doanh số theo từng ngày.

- Công ty thực hiện chế độ chính sách về BHXH, BHYT, BHTN và các chế độ khác như ốm đau, thai sản theo đúng quy định của Pháp luật.

- Người lao động được hưởng một số trợ cấp khác như: thăm hỏi ốm đau, ma chay hiếu hỉ... theo quy định của công ty.

- Thời giờ nghỉ ngơi

+ Nhân viên khối văn phòng được bố trí nghỉ vào ngày nghỉ cuối tuần
+ Nhân viên khối tác nghiệp do tính chất hoạt động dịch vụ được bố trí nghỉ 01 ngày trong tuần.

+ Nghỉ phép, nghỉ lễ tết, nghỉ chế độ ...: người lao động được nghỉ việc, hưởng nguyên lương theo quy định của Nhà nước.

- Khen thưởng cho CBNV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hàng năm, hàng tháng, có khen thưởng sáng kiến,... theo quy định của Công ty.

- Công ty trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động, bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động và cải thiện điều kiện lao động cho người lao động. Xây dựng và ban hành nội qui về ATLĐ, VSLĐ cho các máy móc thiết bị và công việc có nguy cơ tai nạn, nguy hiểm, độc hại.

- Công ty có phòng Y tế riêng với trang thiết bị, thuốc men đầy đủ, tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động theo đúng quy định.

- Công ty có bếp ăn công đoàn đã được đầu tư công cụ dụng cụ đảm bảo về chất lượng cũng như ATVSTP để phục vụ cho CBNV.

- Hàng năm doanh Công ty đều tổ chức cho người lao động được đi thăm quan nghỉ mát.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm là: 30h/nhân viên

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

Công ty tổ chức các khóa đào tạo tổng quan và đào tạo nghiệp vụ tại doanh nghiệp; cử Cán bộ nhân viên tham gia các khóa đào tạo nâng cao kiến thức, kỹ năng ngoài doanh nghiệp, cụ thể:

+ Khóa đào tạo tổng quan Công ty: Cung cấp cho người lao động kiến thức tổng quan về Công ty: giới thiệu lịch sử hình thành, mô hình tổ chức, định hướng loại hình sản phẩm dịch vụ, nội quy quy chế và văn hóa Công ty.

+ Các khóa đào tạo nghiệp vụ và kỹ năng cho từng vị trí công việc: Đào tạo cứu hộ, Đào tạo bán lẻ và cho thuê đồ bơi, Bán hàng ẩm thực, Phục vụ nhà hàng, Lễ tân, chăm sóc khách hàng, Soát vé, locker, Tổ xe, Tổ vé, Thu ngân, bán hàng ẩm thực, café game.

Báo cáo thường niên năm 2016 – Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội

+ Khóa đào tạo nâng cao kiến thức, kỹ năng cho quản lý cấp trung Luật lao động; đào tạo thư ký, trợ lý chuyên nghiệp; khóa đào tạo nghiệp vụ bảo vệ; cập nhật nghị định tiền lương.

+ Khóa đào tạo giám đốc Marketing, CEO

+ Khóa đào tạo cấp chứng chỉ đáp ứng yêu cầu công việc: Chứng chỉ cứu hộ, chứng chỉ An toàn vệ sinh lao động, chứng nhận kiến thức an toàn vệ sinh thực phẩm, chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ.....

III. Báo cáo và đánh giá của Tổng Ban Giám đốc.

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Một số chỉ tiêu kinh doanh chính

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện		Mức biến động so với kỳ trước		Tỷ lệ % so với doanh thu thuần	
		Năm 2016	Năm 2015	Số tiền	Tỷ lệ %	Năm 2016	Năm 2015
1	Tổng Doanh thu	129.699,7	104.429,0	25.270,7	24,19	-	-
2	Các khoản giảm trừ	-	-	-	-	-	-
3	Doanh thu thuần	129.699,7	104.429,0	25.270,7	24,19	100,00	100,00
4	Giá vốn h/hóa, dịch vụ	84.324,2	63.474,0	20.850,2	32,84	65,01	60,78
5	Lợi nhuận gộp	45.375,5	40.954,9	4.420,6	10,79	34,99	39,22
6	Doanh thu tài chính	637,8	684,7	-46,9	-6,85	0,49	0,66
7	Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-
8	Chi phí bán hàng	21.534,4	19.786,9	1.747,5	8,83	16,60	18,95
9	Chi phí quản lý	19.837,4	15.621,0	4.216,4	26,99	15,29	14,96
10	Lợi nhuận thuần	4.641,5	6.231,6	-1.590,1	-25,51	3,58	5,97
11	Thu nhập khác	836,7	337,2	499,5	148,13	0,65	0,32
12	Chi phí khác	421,2	44,7	376,5	842,28	0,32	0,04
13	Lợi nhuận khác	415,5	292,5	123,0	42,05	0,32	0,28

Báo cáo thường niên năm 2016 – Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội

14	Lợi nhuận trước thuế	5.057,0	6.524,1	-1.467,1	-22,48	3,90	6,25
15	Chi phí thuế TNDN	1.134,7	1.465,6	-330,9	-22,57	0,87	1,40
16	LN sau thuế TNDN	3.922,3	5.058,5	-1.136,2	-22,46	3,02	4,84

b. Phân tích Doanh thu theo nguồn khách:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2016		Thực hiện 2015		So sánh 2016/2015	
			Doanh thu	Tỷ trọng (%)	Doanh thu	Tỷ trọng (%)	Tăng/giảm (+/-)	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu từ khách lẻ	Tr.đ	37.925,8	49,14	34.084,4	49,55	3.841,4	11,27
2	Doanh thu tự khai thác	Tr.đ	25.705,0	33,31	22.032,2	32,03	3.672,8	16,67
3	DT các dịch vụ gia tăng	Tr.đ	13.545,7	17,55	12.677,8	18,43	867,9	6,85
	Cộng		77.176,5	100,00	68.794,4	100,00	8.382,1	12,18

(Bảng tổng hợp doanh thu này không bao gồm HTKD Sen Tây Hồ và doanh thu du lịch lẻ hành)

Từ bảng số liệu phân tích trên cho ta thấy:

- Doanh thu từ nguồn khách lẻ đạt hơn 37,92 tỷ đồng, tăng 3,84 tỷ đồng hay tăng 11,27% so với năm 2015; Doanh thu từ nguồn khách tự khai thác đạt 25,7 tỷ đồng, tăng 3,67 tỷ đồng hay tăng 16,67% so với năm 2015; Doanh thu từ các dịch vụ gia tăng đạt 13,54 tỷ đồng, tăng 867,9 triệu đồng hay tăng 6,85% so với năm 2015.
- Tỷ trọng doanh thu từ khách lẻ chiếm 49,14%, giảm 0,41% so với năm 2015; Tỷ trọng doanh thu từ nguồn khách tự khai thác đạt 33,31%, tăng 1,28% so với năm 2015; Tỷ trọng doanh thu từ các dịch vụ gia tăng chiếm 17,55%, giảm 0,88% so với năm 2015.

Những tiến bộ đã đạt được:

- Cơ sở hạ tầng liên tục được đầu tư, nâng cấp; thường xuyên tăng cường công tác duy tu bảo dưỡng, và chăm sóc cảnh quan, môi trường.
- Chất lượng nguồn nhân lực được nâng cao;
- Sản phẩm dịch vụ đa dạng, chất lượng được cải thiện, đảm bảo khách được vui chơi an toàn.
- Đời sống vật chất, tinh thần và các chế độ người lao động luôn được quan tâm và đảm bảo.

2. Tình hình tài chính

- Về tổng tài sản: Tổng tài sản của công ty tại ngày 31/12/2016 là 122,46 tỷ đồng, giảm 7,98 tỷ đồng hay giảm 6,12% so với cùng kỳ 2015, trong đó: Tiền và các khoản tương đương tiền tăng 1,95 tỷ đồng hay tăng 24,37%; Công nợ phải thu giảm 1,35 tỷ đồng hay giảm 29,65%; Hàng tồn kho giảm 414,7 triệu đồng hay giảm 26,40%; Tài sản cố định giảm 8,39 tỷ đồng hay giảm 8,37% do trích khấu hao trong năm.
- Về tổng nguồn vốn: Tổng nguồn vốn của công ty tại ngày 31/12/2016 là 122,46 tỷ đồng, giảm 7,98 tỷ đồng hay giảm 6,12% so với cùng kỳ 2015, trong đó: Nợ phải trả giảm 6,84 tỷ đồng hay giảm 42,13%; Vốn chủ sở hữu giảm 1,14 tỷ đồng hay giảm 0,99% là do Lợi nhuận sau thuế 2016 giảm so với cùng kỳ 2015.
- Một số chỉ tiêu tài chính khác:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015
1	Hệ số thanh toán tổng quát <i>[(Tổng tài sản)/(Nợ ngắn hạn + Nợ dài hạn)]</i>	13,02	8,03
2	Hệ số thanh toán nhanh <i>[(Tiền+tương đương tiền)/(Nợ ngắn hạn)]</i>	0,60	0,50
3	Hệ số ROS <i>[LNST/Doanh thu thuần]</i>	3,02%	4,84%
4	Hệ số ROA <i>[LNST/TTS bình quân]</i>	3,10%	3,62%
5	Hệ số ROE <i>[LNST/VCSH bình quân]</i>	3,45%	4,38%
6	Cơ cấu tài sản	100,00	100,00
	- Tài sản ngắn hạn	14,08	12,86
	- Tài sản dài hạn	85,92	87,14
7	Cơ cấu nguồn vốn	100,00	100,00
	- Nợ phải trả	7,68	12,46
	- Vốn chủ sở hữu	92,32	87,54

Phân tích nguyên nhân:

- Áp lực cạnh tranh chia sẻ thị phần ngày càng gay gắt với nhiều khu vui chơi giải trí khác ở Hà Nội và các tỉnh lân cận ra đời trong thời gian gần đây, làm ảnh hưởng tới lượng khách đến Công viên Hồ Tây, đặc biệt là lượng khách Công viên nước. Để thu hút được khách hàng trong môi trường cạnh tranh này, công ty đã phải áp dụng nhiều chính sách khuyến mại, giảm giá, nâng cao chất lượng dịch vụ và tinh thần thái độ phục vụ khách, đồng thời phải tăng cường công tác truyền thông quảng bá, trú trọng công tác cải tạo hạ tầng, nâng cấp cảnh quan, làm mới nhiều tiểu cảnh để đáp ứng nhu cầu thị hiếu khách hàng, do đó chi phí cũng như giá vốn đang có xu hướng tăng nhanh hơn doanh thu, làm cho biên lãi gộp của hầu hết các sản phẩm dịch vụ đều giảm, nó tác động trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh của công ty.

- Chi phí giá vốn tăng 20,85 tỷ đồng hay tăng 32,85% so với cùng kỳ 2015, trong đó: Giá vốn hàng bán lẻ tăng 202,16 triệu đồng hay tăng 11,79% (DT tăng 5,54%) là do cơ cấu doanh thu tăng giảm không đều, doanh thu có giá vốn rất thấp (cho thuê đồ bơi) giảm 11,83%, còn doanh thu hàng bán lẻ còn lại tăng 11,20% - phù hợp với mức tăng giá vốn; Giá vốn ẩm thực tăng 1,61 tỷ đồng hay tăng 19,71% (DT tăng 11,35%) là do công ty phải tăng cường áp dụng chính sách giảm giá và khuyến mại cho khách hàng; Giá vốn dịch vụ tổ chức sự kiện tăng 113,84 triệu đồng hay tăng 7,05% (DT tăng 31,20%) là do cơ cấu doanh thu có mức tăng giảm khác nhau, trong đó doanh thu từ cho thuê địa điểm tổ chức sự kiện chiếm tỷ trọng lớn với chi phí giá vốn thấp; Giá vốn tour du lịch tăng 16,76 tỷ đồng hay tăng 75,32% (DT tăng 74,79%); Các chi phí giá vốn dịch vụ CVN và Công viên MTM tăng 2,16 tỷ đồng hay tăng 7,27% - thấp hơn mức tăng doanh thu CVN & MTM (DT tăng 11,38%).

- Chi phí bán hàng tăng 1,74 tỷ đồng hay tăng 8,83% so với năm 2015 tương ứng với mức tăng doanh thu của các hoạt động kinh doanh chính tại công viên (không bao gồm du lịch) là 9,33%.

- Chi phí quản lý tăng 4,21 tỷ đồng hay tăng 26,99% so với năm 2015, trong đó: Chi phí tiền thuê đất tăng 2,53 tỷ đồng hay tăng 53,80%; Chi phí lương và các khoản trích theo lương tăng 960,84 triệu đồng hay tăng 19,97%; Các chi phí quản lý khác tăng 723,41 triệu đồng hay tăng 11,86%.

- Doanh thu hoạt động tài chính năm 2016 đạt 637,8 triệu đồng, giảm 46,9 triệu đồng hay giảm 6,85% so với năm 2015. Do lãi suất tiền gửi ngân hàng trong năm qua luôn ổn định ở mức thấp.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong các tháng ngoài mùa hoạt động Công viên nước và mảng kinh doanh bên ngoài công viên với doanh thu tour du lịch tăng tới hơn 17,73 tỷ đồng so với cùng kỳ 2015, nhưng do đặc điểm kinh doanh du lịch là chi phí giá vốn tour du lịch rất lớn còn lãi gộp thu được chiếm tỷ lệ nhỏ nên không cải thiện được nhiều hiệu quả kinh doanh của công ty. Mặt khác, xét về mặt tổng chi phí thì chi phí tiền thuê đất năm 2016 tăng 2,53 tỷ đồng hay tăng 29,07% so với 2015, cùng với chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương

(KPCĐ+BHXH+BHYT+BHTN) tăng 3,39 tỷ đồng hay tăng 18,81% so với cùng kỳ 2015 là các khoản chi phí có ảnh hưởng lớn và trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh của công ty.

Do đó, tổng lợi nhuận trước thuế của công ty chỉ đạt 5,057 tỷ đồng, giảm 1,467 tỷ đồng hay giảm 22,49% so với cùng kỳ 2015. Lợi nhuận sau thuế TNDN đạt hơn 3,92 tỷ đồng, giảm hơn 1,13 tỷ đồng hay giảm 22,46% so với cùng kỳ 2015.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Trong công tác chỉ đạo, điều hành, luôn tuân thủ quy chế hoạt động của Ban điều hành, đồng thời thường xuyên cập nhật và áp dụng những thông lệ quản trị tiên tiến, phù hợp với mô hình hoạt động của công ty.
- Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Ban điều hành phụ trách từng lĩnh vực hoặc từng mảng hoạt động, phù hợp với năng lực của từng thành viên trên cơ sở các nguyên tắc và nề nếp làm việc, để đảm bảo công tác quản trị điều hành được thông suốt, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động.
- Duy trì các buổi giao ban định kỳ hàng tuần của Ban điều hành với các trưởng phòng/ban, tổ chức các buổi họp chuyên đề hoặc họp triển khai các chương trình/ sự kiện mang tính đột xuất để giải quyết các công việc phát sinh.
- Rà soát các quy chế, quy trình, quy định làm việc của từng đơn vị/bộ phận và của công ty để chỉnh sửa bổ sung cho phù hợp.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tiếp tục chiến lược kinh doanh 3 sản phẩm chính: trò chơi (các trò chơi dưới nước - CVN, các trò chơi trên cạn - CVMTM), Tổ chức sự kiện, du lịch;
- Tổ chức hội thảo chuyên đề về định hướng chiến lược phát triển Công ty - Công viên Hồ Tây giai đoạn 2017-2021 và những năm tiếp theo.
- Đảm bảo lợi ích của cổ đông cũng như lợi ích của công ty;
- Chăm lo đời sống người lao động;
- Thực hiện tốt nghĩa vụ đối với nhà nước và có trách nhiệm với cộng đồng. Đặc biệt là vấn đề bảo vệ môi trường.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...).

Là đơn vị kinh doanh hoạt động vui chơi giải trí ngoài trời, chúng tôi đặc biệt quan tâm đến việc đảm bảo không gian trong lành, cảnh quan tươi xanh. Vì vậy, việc xử lý nước thải cũng như rác thải được đặc biệt quan tâm, đó là đầu tư hệ thống xử lý nước thải hiện đại, thân thiện với môi trường.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.

Hiểu được nguyên tắc “hiền tài là nguyên khí quốc gia”, con người đóng vai trò vô cùng quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của Công ty. Vậy nên Haseco luôn trú trọng việc đảm bảo đời sống Người lao động thông qua mức lương cũng như các chế độ phúc lợi (Bảo hiểm, công đoàn, các khóa đào tạo,...). Đồng thời tạo môi trường làm việc thân thiện, gắn bó, phát triển.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Đối với cộng đồng địa phương, Ban quản Công ty dịch vụ giải trí Hà Nội luôn chú trọng thông các hoạt động khuyến góp, ủng hộ đồng bào lũ lụt, thiên tai,... Các hoạt động này được thực hiện chủ yếu thông qua Công đoàn Công ty và đoàn thanh niên dưới sự chỉ đạo của Ban lãnh đạo Công ty.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.

Năm 2016, Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng, đầy đủ các nhiệm vụ, chức năng theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty cũng như những quy định về Bảo vệ môi trường. Các thành viên Hội đồng quản trị luôn làm việc trên tinh thần trách nhiệm, trung thực, nhiệt huyết, dân chủ có trách nhiệm cao với cổ đông, với Công ty. Về cơ bản, Hội đồng quản trị đã hoàn thành nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao phó.

a. Kết quả chung:

Năm 2016 trước những khó khăn của nền kinh tế, bất lợi từ thời tiết và áp lực cạnh tranh gay gắt, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành kịp thời đánh giá tình hình, xây dựng những đối sách kinh doanh phù hợp, duy trì sự ổn định, an toàn và hiệu quả. Quan hệ công chúng, công tác đối nội, đối ngoại được thực hiện tốt; đối tác kinh doanh và đầu tư được mở rộng; đời sống người lao động được đảm bảo; thương hiệu “Công viên Hồ Tây” ngày càng được khẳng định trên thị trường; công tác quản lý điều hành luôn linh hoạt phù hợp với từng giai đoạn phát triển; văn hóa doanh nghiệp được chú trọng.

b. Kết quả kinh doanh:

Năm 2016, Tổng lượng khách: đạt 515.257 lượt khách, tăng 61.375 lượt khách hay tăng 13,52% so với năm 2015; Tổng doanh thu: đạt 129,69 tỷ đồng, tăng 25,27 tỷ đồng hay tăng 24,19% so với năm 2015, trong đó: các hoạt động kinh doanh chính tại Công viên đạt 88,24 tỷ đồng - tăng 7,53 tỷ đồng hay tăng 9,33% so với năm 2015, hoạt động phát sinh doanh thu ngoài công viên (du lịch lữ hành) đạt 41,45 tỷ đồng - tăng 17,74 tỷ đồng hay tăng 74,79% so với năm 2015. Nếu loại trừ phần doanh thu tour du lịch (phát sinh ngoài công viên) thì tổng doanh thu các hoạt động kinh doanh chính tại công viên (không bao gồm HTKD Sen Tây Hồ) đạt 77,17 tỷ đồng, tăng 8,38 tỷ đồng hay tăng 12,18% so với 2015.

2. Đánh giá kết quả của HĐQT về hoạt động của Ban tổng giám đốc công ty

Năm 2016, Ban điều hành đã rất nỗ lực, cố gắng để hoàn thành nhiệm vụ mà HĐQT và Đại hội đồng cổ đông đã giao, thực hiện đúng và đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Trong bối cảnh kinh tế suy thoái, biến động bất thường các thành viên Ban điều hành đã thể hiện tinh thần làm việc không mệt mỏi, bám sát các nghị quyết, quyết định của HĐQT để đưa ra những chính sách, kế hoạch phù hợp.

3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

- ◆ Tiếp tục mục tiêu Kinh doanh hiệu quả, phát triển ổn định, bền vững;
- ◆ Tỷ lệ cổ tức đạt 5% bằng năm 2016;
- ◆ Tiếp tục đẩy mạnh và phát triển thương hiệu “Công viên Hồ Tây”
- ◆ Chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ;
- ◆ Đảm bảo phát triển bền vững, dung hòa lợi ích của cổ đông cũng như lợi ích của Công ty, chăm lo đời sống người lao động, thực hiện tốt nghĩa vụ đối với nhà nước và có trách nhiệm với cộng đồng.

V. Báo cáo tài chính/

1. Ý kiến kiểm toán

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội.

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội (Gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 01 năm 2017, từ trang 06 đến trang 32 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Báo cáo thường niên năm 2016 – Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: Đồng VN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm (31/12/2016)	Số đầu năm (1/1/2016)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		17.239.671.353	16.770.197.111
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	5.477.269.524	8.021.942.204
1. Tiền	111		1.277.269.524	1.021.942.204
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.200.000.000	7.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.	5.500.000.000	2.300.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.500.000.000	2.300.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.201.980.298	4.551.394.088
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	1.914.406.228	2.250.488.465

Báo cáo thường niên năm 2016 – Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội

2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	702.256.833	1.408.840.191
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	773.103.862	1.084.124.432
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6.	(187.786.625)	(192.059.000)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7.	1.155.892.340	1.570.609.486
1. Hàng tồn kho	141		1.155.892.340	1.570.609.486
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.904.529.191	326.251.333
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11.	1.904.529.191	218.323.195
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	107.928.138
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		105.224.706.193	113.676.081.519
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		500.000.000	500.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.	500.000.000	500.000.000
II. Tài sản cố định	220		91.864.168.098	100.257.872.577
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9.	86.718.481.333	93.710.330.710
- Nguyên giá	222		228.598.133.823	230.643.675.431
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(141.879.652.490)	(136.933.344.721)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10.	5.145.686.765	6.547.541.867
- Nguyên giá	228		18.187.833.000	18.187.833.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(13.042.146.235)	(11.640.291.133)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8.	714.520.303	299.518.727
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		714.520.303	299.518.727
VI. Tài sản dài hạn khác	260		12.146.017.792	12.618.690.215
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.	12.146.017.792	12.618.690.215
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		122.464.377.546	130.446.278.630
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		9.404.418.444	16.250.101.609
I. Nợ ngắn hạn	310		9.200.418.444	16.007.601.609
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12.	2.879.938.876	9.073.362.989
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13.	73.995.530	50.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.	457.821.843	542.419.203
4. Phải trả người lao động	314		475.050.900	28.535.800
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15.	1.636.347.363	2.157.654.268
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17.	2.461.481.823	2.500.548.001
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16.	1.194.185.444	1.374.737.125
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		21.596.665	280.344.223
II. Nợ dài hạn	330		204.000.000	242.500.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16.	204.000.000	242.500.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		113.059.959.102	114.196.177.021
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18.	113.059.959.102	114.196.177.021
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		92.974.500.000	92.974.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		92.974.500.000	92.974.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.162.250.000	8.162.250.000
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(28.000.000)	(28.000.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.001.189.026	5.001.189.026

Báo cáo thường niên năm 2016 – Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội

10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.098.251.553	2.098.251.553
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.851.768.523	5.987.986.442
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		929.465.000	929.465.000
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.922.303.523	5.058.521.442
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		122.464.377.546	130.446.278.630

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: đồng VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay (2016)	Năm trước (2015)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1.	129.699.741.904	104.428.958.379
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		129.699.741.904	104.428.958.379
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	84.324.260.833	63.474.023.493
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		45.375.481.071	40.954.934.886
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	637.780.513	684.654.327
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6.	21.534.436.411	19.786.941.028
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6.	19.837.367.234	15.621.045.446
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22)-(25+26)}	30		4.641.457.939	6.231.602.739
12. Thu nhập khác	31	VI.4.	836.700.268	337.170.256
13. Chi phí khác	32	VI.5.	421.184.053	44.675.334
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		415.516.215	292.494.922
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5.056.974.154	6.524.097.661
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8.	1.134.670.631	1.465.576.219
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 – 51 - 52)	60		3.922.303.523	5.058.521.442
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.9.	400	500

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: Đồng VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay (2016)	Năm trước (2015)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		140.370.189.486	112.183.276.930
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(67.590.187.344)	(53.991.018.299)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(18.059.873.041)	(16.423.572.858)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		(1.395.571.493)	(3.048.947.988)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		4.732.987.130	5.078.723.953
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(38.692.307.198)	(30.847.695.273)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		19.365.237.540	12.950.766.465
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(14.801.527.672)	(15.078.412.181)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		142.727.273	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(14.900.000.000)	(17.700.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		11.700.000.000	19.400.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		517.772.679	536.401.549
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(17.341.027.720)	(12.842.010.632)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.568.882.500)	(6.370.805.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.568.882.500)	(6.370.805.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(2.544.672.680)	(6.262.049.167)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		8.021.942.204	14.283.991.371
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	5.477.269.524	8.021.942.204

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ giải trí Hà Nội (Sau đây gọi tắt là “Công ty”), là Công ty Cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 055096 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 11/11/1998.

Theo giấy đăng ký kinh doanh số 055096 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 11/11/1998 thì vốn điều lệ của Công ty là **100.000.000.000 VND** (Một trăm tỷ đồng).

Công ty Cổ phần Dịch vụ giải trí Hà Nội hiện tại là Công ty đại chúng.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh dịch vụ vui chơi giải trí, các trò chơi trên mặt đất, dưới nước và trên không;
- Dịch vụ văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao và rèn luyện thân thể;
- Cho thuê địa điểm hội nghị, hội thảo; Dịch vụ ăn uống giải khát; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá;
- Vận chuyển khách du lịch; Kinh doanh du lịch lữ hành;
- Tư vấn đầu tư các loại hình kinh doanh văn hoá thể thao, vui chơi giải trí;
- Dịch vụ massage và vật lý trị liệu.

Địa chỉ: Số 614 - Lạc Long Quân - quận Tây Hồ - Hà Nội

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (“VND”), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán Bravo.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

- Ngân hàng thương mại mà Công ty lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán là Ngân hàng TMCP Vietcombank – PGD 8 Hoàng Hoa Thám.
- Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:
 - + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản:
 - + Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định

và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, và phải thu khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Nợ phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất, hết hạn sử dụng

và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tại ngày 31/12/2016, Công ty không có hàng tồn kho cần phải trích lập dự phòng giảm giá.

6. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ

6.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/06/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc thiết bị	04 - 12
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 07

6.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là các chi phí đền bù san lấp, giải phóng mặt bằng, phần mềm kế toán và bài giảng điện tử.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/06/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản cố cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm>
Chi phí đền bù san lấp, giải phóng mặt bằng	11-14
Phần mềm kế toán	03
Bài giảng điện tử	05

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là Hạng mục công trình ngầm hóa kênh mương được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ thể hiện số tiền đã chi để sửa chữa TSCĐ, chi phí sửa chữa lớn TSCĐ được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng chờ phân bổ và một số khoản chi phí chờ phân bổ khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

9. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhập thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản chi phí dịch vụ tổ chức tiệc cưới và chi phí tổ chức tour du lịch là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng...) và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác.

Doanh thu chưa thực hiện không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty. Các cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ không được nhận cổ tức, không có quyền bầu cử hay tham gia phân chia tài sản khi Công ty giải thể. Khi chia cổ tức cho các cổ phần, các cổ phiếu quỹ đang do Công ty nắm giữ được coi là cổ phiếu chưa bán. Giá trị cổ phiếu quỹ được phản ánh là giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu, như chi phí giao dịch, thông tin...

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

- Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ vui chơi giải trí, tổ chức hội nghị, kinh doanh ăn uống, doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê nhà,... và doanh thu từ lãi tiền gửi.

+ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

+ Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

15.1. Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 5% đối với hàng đồ chơi, và 10% đối với các dịch vụ vui chơi, ăn uống và các dịch vụ khác.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Báo cáo thường niên năm 2016 – Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác

Các loại thuế, phí khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

V Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền	1.277.269.524	1.021.942.204
<i>Tiền mặt</i>	<i>199.256.970</i>	<i>259.559.663</i>
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>1.078.012.554</i>	<i>762.382.541</i>
VND	1.071.198.054	755.647.541
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - SGD - PGD số 8</i>	<i>789.847.104</i>	<i>722.455.802</i>
<i>Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long</i>	<i>220.780.995</i>	<i>15.733.619</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội</i>	<i>56.305.763</i>	<i>-</i>
<i>Ngân hàng TMCP HDBank - Chi nhánh Hà Nội</i>	<i>4.264.192</i>	<i>17.458.120</i>
USD	6.814.500	6.735.000
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - SGD - PGD số 8</i>	<i>6.814.500</i>	<i>6.735.000</i>
Các khoản tương đương tiền	4.200.000.000	7.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - SGD - PGD số 8</i>	<i>1.500.000.000</i>	<i>3.000.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long</i>	<i>1.200.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội</i>	<i>1.000.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Ngân hàng TMCP HDBank - Chi nhánh Hà Nội</i>	<i>500.000.000</i>	<i>4.000.000.000</i>
Cộng	5.477.269.524	8.021.942.204

2. Các khoản đầu tư tài chính

31/12/2016 VND		01/01/2016 VND	
Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ

Báo cáo thường niên năm 2016 – Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.500.000.000	5.500.000.000	2.300.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	5.500.000.000	5.500.000.000	2.300.000.000	-
+ Ngân hàng TMCP HDBank - Chi nhánh Hà Nội	1.000.000.000	1.000.000.000	2.300.000.000	-
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	3.500.000.000	3.500.000.000	-	-
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đống Đa	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-

3. Phải thu khách hàng

Đơn vị tính : VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Vui chơi Thể hệ mới	202.927.667	-	376.479.708	-
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đào tạo CONNECT	96.800.000	96.800.000	96.800.000	96.800.000
Tổng Công ty Truyền thông đa phương tiện Việt Nam	-	-	60.000.000	60.000.000
Công ty Cổ Phần Mặt trời Châu Á	-	-	763.044.588	-
Công ty TNHH Linh Phượng	-	-	112.050.610	-
Nguyễn Ngọc Tú	-	-	153.615.000	-
Công ty Cổ phần HEARTLINK	115.455.250	57.727.625	-	-
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	116.600.000	-	-	-
Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên	78.843.600	-	-	-
Công ty CP Xây dựng & Quản lý dự án HI - END	112.405.000	-	-	-
Công ty TNHH Samsung Display Việt Nam	609.287.150	-	-	-
Các đối tượng khác	582.087.561	33.259.000	688.498.559	35.259.000

Báo cáo thường niên năm 2016 – Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội

Cộng	1.914.406.228	187.786.625	2.250.488.465	192.059.000
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn			31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Tư vấn kiến trúc và Xây dựng xanh			-	82.948.936
Công ty Cổ phần Đầu tư & Công nghệ xây dựng IBST			-	125.286.000
Văn phòng luật sư DOHA			-	841.500.000
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật thương mại Bách Việt			434.788.200	-
Trung tâm Khoa Học Công Nghệ Môi Trường và Phát Triển			156.000.000	-
Các đối tượng khác			111.468.633	359.105.255
Cộng			702.256.833	1.408.840.191

Đơn vị tính: VND

5. Phải thu khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	773.103.862	-	1.084.124.432	-
Lãi dự thu của các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	119.928.334	-	148.252.778	-
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - SGD - PGD số 8	6.000.000	-	19.594.445	-
+ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	3.520.000	-	-	-
+ Ngân hàng TMCP HDBank - Chi nhánh Hà Nội	4.513.889	-	128.658.333	-
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi Nhánh Hà Nội	105.894.445	-	-	-
Các khoản phải thu khác	239.650.000	-	-	-
Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam	126.500.000	-	-	-
Công ty TNHH Samsung Display Việt Nam	109.850.000	-	-	-

Báo cáo thường niên năm 2016 – Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội

Các đối tượng khác	3.300.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	20.000.000	-	20.000.000	-
Phải thu người lao động	393.525.528	-	915.871.654	-
Trần Thị Lý	44.174.000	-	73.386.150	-
Vũ Lệ Thúy	-	-	53.300.070	-
Đinh Thị Lụa	35.067.538	-	213.058.000	-
Vũ Thị Thanh Phương	-	-	262.815.000	-
Các đối tượng khác	314.283.990	-	313.312.434	-
b) Dài hạn	500.000.000		500.000.000	
Ký cược, ký quỹ	500.000.000	-	500.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - PGD số 8	500.000.000	-	500.000.000	-
Cộng	1.273.103.862	-	1.584.124.432	-

6. Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán, khó có khả năng thu hồi	245.514.250	-	192.059.000	-
Công ty Cổ phần tư vấn và đào tạo CONNECT	96.800.000	-	96.800.000	-
Tổng Công ty Truyền Thông Đa Phương Tiện Việt Nam	-	-	60.000.000	-
Công ty TNHH Du Lịch và Tổ chức Sự kiện Sắc Việt	33.259.000	-	35.259.000	-
Công ty Cổ phần HEARTLINK	115.455.250	57.727.625	-	-
Cộng	245.514.250	57.727.625	192.059.000	-

7. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	794.739.709	-	1.020.227.303	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	63.325.750	-

Báo cáo thường niên năm 2016 – Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội

Hàng hoá	361.152.631	-	487.056.433	-
Cộng	1.155.892.340	-	1.570.609.486	-

8. Tài sản dở dang dài hạn

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn	714.520.303	714.520.303	299.518.727	299.518.727
Hạng mục công trình ngầm hóa kênh mương	299.518.727	299.518.727	299.518.727	299.518.727
Công trình trạm nước số 1 - Phân móng cọc	415.001.576	415.001.576	-	-
Cộng	714.520.303	714.520.303	299.518.727	299.518.727

Báo cáo thường niên năm 2016 – Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội

9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình	<i>Đơn vị tính: VND</i>					
	Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư ngày 01/01/2016	132.438.939.798	96.077.800.943	1.933.966.493	192.968.197	230.643.675.431	
- Mua trong năm	757.546.591	122.460.000	1.022.981.818	72.800.000	1.975.788.409	
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-	
- Tăng khác (i)	586.665.462	-	-	-	586.665.462	
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	
- Thanh lý, nhượng bán	(2.050.902.872)	(1.662.424.288)	(308.002.857)	-	(4.021.330.017)	
- Giảm khác (i)	-	(586.665.462)	-	-	(586.665.462)	
Số dư ngày 31/12/2016	131.732.248.979	93.951.171.193	2.648.945.454	265.768.197	228.598.133.823	
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2016	64.008.027.450	71.528.522.716	1.217.935.532	178.859.023	136.933.344.721	
- Khấu hao trong năm	5.406.283.951	3.343.953.163	195.137.377	22.263.295	8.967.637.786	
- Tăng khác	-	-	-	-	-	
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	
- Thanh lý, nhượng bán	(2.050.902.872)	(1.662.424.288)	(308.002.857)	-	(4.021.330.017)	
- Giảm khác (i)	-	-	-	-	-	
Số dư ngày 31/12/2016	67.363.408.529	73.210.051.591	1.105.070.052	201.122.318	141.879.652.490	
Giá trị còn lại						
- Tại ngày 01/01/2016	68.430.912.348	24.549.278.227	716.030.961	14.109.174	93.710.330.710	
- Tại ngày 31/12/2016	64.368.840.450	20.741.119.602	1.543.875.402	64.645.879	86.718.481.333	

- Nguyên giá của TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là: 32.448.975.103 VND.

- (i) Tăng khác, giảm khác là phân loại lại TSCĐ.

10. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm tin học, kế toán và đào tạo	Chi phí đền bù san lấp, giải phóng mặt bằng	Đơn vị tính: VND
			Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình			
Số dư ngày 01/01/2016	1.883.650.000	16.304.183.000	18.187.833.000
Mua trong năm	-	-	-
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-
Tăng khác	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2016	1.883.650.000	16.304.183.000	18.187.833.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2016	786.634.413	10.853.656.720	11.640.291.133
Khấu hao trong năm	453.937.488	947.917.614	1.401.855.102
Tăng khác	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2016	1.240.571.901	11.801.574.334	13.042.146.235
Giá trị còn lại			
- Tại ngày 01/01/2016	1.097.015.587	5.450.526.280	6.547.541.867
- Tại ngày 31/12/2016	643.078.099	4.502.608.666	5.145.686.765

11. Chi phí trả trước

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn	1.904.529.191	218.323.195
Chi phí in vé chờ phân bổ	156.039.911	179.219.867
Công cụ dụng cụ và chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	1.748.489.280	39.103.328
b) Dài hạn	12.146.017.792	12.618.690.215
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.980.694.324	3.739.736.422
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	6.573.590.453	7.240.597.144
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.591.733.015	1.638.356.649
Cộng	14.050.546.983	12.837.013.410

12. Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Công ty TNHH HANA đầu tư xây dựng	72.669.000	72.669.000	1.867.165.684	1.867.165.684
Công ty TNHH Vạn Phú Kim	142.537.837	142.537.837	1.236.657.604	1.236.657.604
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thăng Long	255.653.750	255.653.750	2.615.261.004	2.615.261.004
Trần Thị Lý	84.272.722	84.272.722	281.566.695	281.566.695
Nguyễn Thị Bích	281.976.000	281.976.000	88.060.000	88.060.000
Các đối tượng khác	2.042.829.567	2.042.829.567	2.984.652.002	2.984.652.002
Cộng	2.879.938.876	2.879.938.876	9.073.362.989	9.073.362.989

13.	Người mua trả tiền trước		31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
	Ngắn hạn			
	Lê Thị Nhạn		40.000.000	-
	Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn		-	50.000.000
	Các đối tượng khác		33.995.530	-
	Cộng		73.995.530	50.000.000

14.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
				Đơn vị tính: VND	
	Khoản mục	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016
	Phải nộp				
	Thuế GTGT hàng nội địa	-	5.990.992.295	5.765.110.520	225.881.775
	Thuế xuất nhập khẩu	-	48.854.022	48.854.022	-
	Thuế TNDN	455.571.493	1.134.670.631	1.395.571.493	194.670.631
	Thuế thu nhập cá nhân	86.052.410	270.975.910	321.165.283	35.863.037
	Thuế tài nguyên	795.300	18.243.000	17.631.900	1.406.400
	Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	11.243.041.260	11.243.041.260	-
	Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
	Các loại thuế khác	-	513.323.000	513.323.000	-
	Cộng	542.419.203	19.223.100.118	19.307.697.478	457.821.843

15.	Chi phí phải trả		31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
	Ngắn hạn			
	Chi phí sự kiện Công ty TNHH INOAC Việt Nam		-	1.403.520

Báo cáo thường niên năm 2016 – Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội

Trích trước chi phí của hạng mục thi công di chuyển hệ thống ray tàu điện trên không	-	199.353.871
Trích trước chi phí của hạng mục thi công mái che Sân khấu trung tâm	-	18.727.687
Trích trước chi phí của hạng mục thi công xây dựng trạm biến áp	-	4.000.863
Trích trước chi phí tour Lê Thị Nhạn	-	42.612.499
Trích trước chi phí tour Continental Russia Travel., Ltd	3.025.333	757.605.318
Trích trước chi phí thi công biển quảng cáo khu vực công lâu đài thuộc Công viên Hồ Tây	-	456.575.534
Trích trước chi phí sự kiện/tiệc cưới -Trần Thu Trang	199.975.364	-
Trích trước chi phí chương trình của Công ty TNHH Thiên Ngọc Minh Uy	414.170.828	-
Trích trước chi phí tour của Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	196.268.416	-
Trích trước chi phí tour của Công ty Samsung Electronics VN- Thái Nguyên	115.232.010	-
Trích trước chi phí tour của Công ty TNHH Samsung Display Việt Nam	226.685.938	-
Trích trước chi phí phải trả khác	480.989.474	677.374.976
Cộng	1.636.347.363	2.157.654.268

16. Phải trả khác

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.194.185.444	1.374.737.125
Kinh phí công đoàn	93.720.594	144.081.275
Bảo hiểm xã hội	-	159.627.520
Bảo hiểm y tế	-	27.469.440
Bảo hiểm thất nghiệp	-	12.279.040
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	1.100.464.850	1.031.279.850
<i>Cổ tức phải trả cổ đông năm 2001</i>	<i>11.447.850</i>	<i>11.447.850</i>
<i>Cổ tức phải trả cổ đông năm 2009</i>	<i>65.336.000</i>	<i>67.896.000</i>
<i>Cổ tức phải trả cổ đông năm 2010</i>	<i>110.481.000</i>	<i>116.001.000</i>
<i>Cổ tức phải trả cổ đông năm 2011</i>	<i>200.700.000</i>	<i>209.900.000</i>
<i>Cổ tức phải trả cổ đông năm 2012</i>	<i>188.900.000</i>	<i>198.100.000</i>
<i>Cổ tức phải trả cổ đông năm 2013</i>	<i>214.140.000</i>	<i>225.090.000</i>
<i>Cổ tức phải trả cổ đông năm 2014</i>	<i>176.260.000</i>	<i>192.150.000</i>
<i>Cổ tức phải trả cổ đông năm 2015</i>	<i>132.000.000</i>	-

Báo cáo thường niên năm 2016 – Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội

<i>Các đối tượng khác</i>	1.200.000	10.695.000
b) Dài hạn	204.000.000	242.500.000
Công ty Cổ phần Vui chơi Thế hệ mới	150.000.000	150.000.000
Công ty TNHH LALALA 1 EURO	-	82.500.000
Công ty TNHH Linh Phượng	-	10.000.000
Công ty Cổ phần GABI	54.000.000	-
Cộng	1.398.185.444	1.617.237.125
17. Doanh thu chưa thực hiện		
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn		
Hợp đồng hợp tác kinh doanh khai thác tài sản Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ SEN	2.345.454.550	2.345.454.546
Hợp đồng hợp tác kinh doanh khai thác tài sản Công ty Cổ phần Vui chơi Thế hệ mới	83.300.000	98.000.000
Hợp đồng hợp tác kinh doanh Công ty Cổ phần Truyền Thông TC Việt Nam	32.727.273	57.093.455
Cộng	2.461.481.823	2.500.548.001



Báo cáo thường niên năm 2016 – Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội

18. Vốn chủ sở hữu
Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND	
					Tổng cộng	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2015	92.974.500.000	8.162.250.000	(28.000.000)	9.805.097.751	110.913.847.751	
Lãi trong năm trước	-	-	-	5.058.521.442	5.058.521.442	
Chia cổ tức	-	-	-	(6.506.255.000)	(6.506.255.000)	
Phân phối các quỹ	-	-	-	(2.369.377.751)	(2.369.377.751)	
Số dư ngày 01/01/2016	92.974.500.000	8.162.250.000	(28.000.000)	5.987.986.442	107.096.736.442	
Lãi trong năm	-	-	-	3.922.303.523	3.922.303.523	
Chia cổ tức	-	-	-	(4.647.325.000)	(4.647.325.000)	
Phân phối các quỹ	-	-	-	(411.196.442)	(411.196.442)	
Số dư ngày 31/12/2016	92.974.500.000	8.162.250.000	(28.000.000)	4.851.768.523	105.960.518.523	
18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu				31/12/2016	01/01/2016	
				VND	VND	
Tổng Công ty Du lịch Hà Nội				42.700.000.000	42.700.000.000	
Tập đoàn Bảo Việt				18.000.000.000	18.000.000.000	
Công ty TNHH Trí Thành				5.250.000.000	5.250.000.000	
Công ty CP Đầu tư phát triển và Xây dựng Thành Đô				4.705.000.000	4.705.000.000	

Báo cáo thường niên năm 2016 – Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội

Ông Nguyễn Trung Chính	1.814.250.000	1.814.250.000
Vốn góp của các đối tượng khác	20.505.250.000	20.505.250.000
Cộng	<u>92.974.500.000</u>	<u>92.974.500.000</u>

* Số lượng cổ phiếu quỹ: 2.800 cổ phiếu

18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	92.974.500.000	92.974.500.000
Vốn góp đầu năm	92.974.500.000	92.974.500.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	92.974.500.000	92.974.500.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.647.325.000	6.506.255.000

18.4 Cổ phiếu

	31/12/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	9.297.450	9.297.450
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.297.450</i>	<i>9.297.450</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	2.800	2.800
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2.800</i>	<i>2.800</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.294.650	9.294.650
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.294.650</i>	<i>9.294.650</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

18.5 Các quỹ của doanh nghiệp

Khoản mục	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	01/01/2016	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/12/2016
Quỹ đầu tư phát triển	5.001.189.026	-	-	5.001.189.026
Quỹ khác thuộc vốn CSH	2.098.251.553	-	-	2.098.251.553
Cộng	7.099.440.579	-	-	7.099.440.579

(*) Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

- Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được hình thành từ lợi nhuận sau thuế và được sử dụng vào việc khen thưởng hoặc các mục đích khác phục vụ công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị.

VI Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
a) Doanh thu	125.212.811.687	100.224.730.512
Doanh thu bán hàng	4.486.930.217	4.204.227.867
Doanh thu cung cấp dịch vụ	125.212.811.687	100.224.730.512
Cộng	129.699.741.904	104.428.958.379

b) **Doanh thu đối với các bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VI.14

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn bán hàng	1.916.806.080	1.714.644.253
Giá vốn cung cấp dịch vụ	82.407.454.753	61.759.379.240
Cộng	84.324.260.833	63.474.023.493

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	637.701.013	684.654.327
Lãi chênh lệch tỷ giá	79.500	
Cộng	637.780.513	684.654.327

4. Thu nhập khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập từ tiền cho thuê nhà, gửi xe	-	-
Thu nhập về nhượng bán và thanh lý tài sản	148.240.909	-
Các khoản thu nhập khác	688.459.359	337.170.256

Báo cáo thường niên năm 2016 – Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội

Cộng	836.700.268	337.170.256
5. Chi phí khác		
	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí về nhượng bán và thanh lý tài sản	45.805.244	-
Các khoản chi phí khác	375.378.809	44.675.334
Cộng	421.184.053	44.675.334
6. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	19.837.367.234	15.621.045.446
Chi phí nhân viên quản lý	5.773.117.598	4.812.282.022
Chi phí vật liệu quản lý	687.014.978	487.290.406
Khấu hao tài sản cố định	1.073.956.176	903.711.168
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.635.616.835	2.282.927.862
Chi phí đồ dùng văn phòng	417.547.461	402.117.290
Chi phí dự phòng	(4.272.375)	15.129.000
Thuế, phí, lệ phí	7.387.800.963	4.759.887.472
Chi phí bằng tiền khác	1.866.585.598	1.957.700.226
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	21.534.436.411	19.786.941.028
Chi phí nhân viên bán hàng	7.616.948.050	6.531.925.575
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.417.510.976	7.588.871.908
Chi phí vật liệu bao bì	-	2.050.000
Chi phí dụng cụ đồ dùng	1.321.531.470	1.120.611.041
Khấu hao tài sản cố định	1.415.272.276	1.551.937.894
Chi phí bằng tiền khác	3.763.173.639	2.991.544.610
7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.256.018.385	2.473.208.860
Chi phí nhân công	23.243.964.957	19.744.522.359
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.369.492.887	10.480.617.866
Chi phí dịch vụ mua ngoài	83.201.101.387	61.165.514.697
Chi phí bằng tiền khác	5.625.486.862	5.018.146.185
Cộng	125.696.064.478	98.882.009.967

8. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng thu nhập phát sinh, trong đó:	131.174.222.685	105.450.782.962
<i>Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>131.174.222.685</i>	<i>105.450.782.962</i>
Tổng chi phí phát sinh, trong đó:	125.500.869.531	98.570.134.913
<i>Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>126.117.248.531</i>	<i>98.926.685.301</i>
<i>Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>616.379.000</i>	<i>356.550.388</i>
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	5.673.353.154	6.880.648.049
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	22%
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	48.166.352
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.134.670.631	1.465.576.219

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.922.303.523	5.058.521.442
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(204.440.000)	(411.196.442)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.717.863.523	4.647.325.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.294.650	9.294.650
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	400	500

VIII. Những thông tin khác

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Công nợ tài chính

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
--	-------------------	-------------------

Báo cáo thường niên năm 2016 – Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội

Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	5.477.269.524	8.021.942.204
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	113.059.959.102	114.196.177.021
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.477.269.524	8.021.942.204
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.999.723.465	3.642.553.897
Các khoản đầu tư tài chính	5.500.000.000	2.300.000.000
Cộng	13.976.992.989	13.964.496.101
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	4.278.124.320	10.690.600.114
Chi phí phải trả	1.636.347.363	2.157.654.268
Cộng	5.914.471.683	12.848.254.382

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Báo cáo thường niên năm 2016 – Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
31/12/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	4.074.124.320	204.000.000	4.278.124.320
Chi phí phải trả	1.636.347.363	-	1.636.347.363
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
01/01/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	10.448.100.114	242.500.000	10.690.600.114
Chi phí phải trả	2.157.654.268	-	2.157.654.268

Báo cáo thường niên năm 2016 – Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.477.269.524	-	5.477.269.524
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.499.723.465	500.000.000	2.999.723.465
Các khoản đầu tư tài chính	5.500.000.000	-	5.500.000.000
01/01/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.021.942.204	-	8.021.942.204
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.142.553.897	500.000.000	3.642.553.897
Các khoản đầu tư tài chính	2.300.000.000	-	2.300.000.000

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

a) Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Du lịch Hà Nội	Cổ đông
Tập đoàn Bảo Việt	Cổ đông

b) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu	664.507.300	316.726.700
Tổng Công ty Du lịch Hà Nội	664.507.300	316.726.700
Tập đoàn Bảo Việt	-	39.525.000

c) Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
--	-------------------------	-------------------------

Báo cáo thường niên năm 2016 – Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội

Lương	1.390.299.141	1.065.937.857
Tiền thưởng	-	184.306.000
Cộng	1.390.299.141	1.250.243.857

3. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31/12/2016.

4. Thông tin so sánh

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty Cổ phần Dịch vụ giải trí Hà Nội đã được kiểm toán.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT *wh*

Tổng giám đốc



Phan
NGUYỄN THỊ VÂN